

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết bổ sung, điều chỉnh danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Theo nhu cầu thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ của các ngành, địa phương; kết quả kiểm tra sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đã được phê duyệt, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua Nghị quyết bổ sung, điều chỉnh danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, cụ thể như sau:

1. Căn cứ pháp luật để trình Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-CP ngày 11 tháng 02 năm 2022 của Chính phủ về việc triển khai Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;



Căn cứ Quyết định số 2028/QĐ-BTNMT ngày 22 tháng 10 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đính chính Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của các huyện, thành phố, thị xã đã được UBND tỉnh phê duyệt: Thành phố Đồng Hới tại Quyết định số 1288/QĐ-UBND ngày 10/5/2021; huyện Quảng Ninh tại Quyết định số 1281/QĐ-UBND ngày 10/5/2021; huyện Bố Trạch tại Quyết định số 1282/QĐ-UBND ngày 10/5/2021; huyện Tuyên Hóa tại Quyết định số 1284/QĐ-UBND ngày 10/5/2021; huyện Quảng Trạch tại Quyết định số 1283/QĐ-UBND ngày 10/5/2021; huyện Lệ Thủy tại Quyết định số 1278/QĐ-UBND ngày 07/5/2021; huyện Minh Hóa tại Quyết định số 1348/QĐ-UBND ngày 12/5/2021 và thị xã Ba Đồn tại Quyết định số 1393/QĐ-UBND ngày 17/5/2021.

2. Tình hình chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh đến tháng 7 năm 2022

2.1. Tổng chỉ tiêu đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ được chuyển mục đích sử dụng trên địa bàn tỉnh theo quy hoạch sử dụng đất cấp huyện đã được phê duyệt

Tổng chỉ tiêu đã được phê duyệt trên toàn tỉnh là 7.603,63 ha, trong đó:

- Chỉ tiêu đất trồng lúa được phép chuyển mục đích là: 7.006,67 ha;
- Chỉ tiêu đất rừng phòng hộ được phép chuyển mục đích là: 596,96 ha;

2.2. Kết quả thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ đến tháng 7 năm 2022

a. Kết quả đạt được

- Diện tích đất trồng lúa đã chuyển mục đích là 36,23 ha;
- Diện tích đất rừng phòng hộ đã chuyển mục đích là 6,17 ha.

(Cụ thể có Bảng 01, 02 kèm theo)

b. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Hàng năm, chỉ tiêu đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ do các ngành và địa phương đăng ký chuyển mục đích là khá lớn, tuy nhiên tỷ lệ thực hiện đạt thấp. Nguyên nhân chủ yếu do phải thực hiện nhiều thủ tục liên quan để triển khai dự án như: lập, phê duyệt dự án đầu tư, bố trí nguồn vốn đầu tư, lập quy hoạch chi tiết, trích đo địa chính, thu hồi đất, giải phóng mặt bằng... nên dự án khó thực hiện hoàn thành trong một năm mà phải thực hiện trong nhiều năm mới hoàn thành.

3. Đề xuất bổ sung, điều chỉnh danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án

Trên cơ sở nhu cầu sử dụng đất của các ngành, đơn vị, địa phương để thực hiện các dự án, kết quả rà soát đảm bảo sự phù hợp của việc sử dụng đất và các quy định của pháp luật; đồng thời, có một số công trình, dự án đã được Hội đồng nhân

dân tỉnh thông qua nhưng nay do đo đạc lại thực tế theo hiện trạng sử dụng đất, một số dự án có điều chỉnh quy mô, hướng tuyến nên diện tích, loại đất có sự thay đổi, cần điều chỉnh cho phù hợp. Để thực hiện thu hồi đất, chuyển mục đích đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trong năm 2022 đúng quy định, đáp ứng nhu cầu sử dụng đất cho mục đích phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng, an ninh, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua Nghị quyết bổ sung, điều chỉnh danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình, cụ thể như sau:

Bổ sung, điều chỉnh 61 dự án với tổng diện tích 158,45 ha, bao gồm: 26,45ha đất trồng lúa và 132,0 ha đất khác. Trong đó:

3.1. Bổ sung mới 52 dự án thu hồi đất theo quy định tại Khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai (trong đó có 24 dự án đồng thời chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai) với tổng diện tích 104,08 ha, bao gồm: 13,51 ha đất trồng lúa và 90,57 ha các loại đất khác.

3.2. Điều chỉnh 09 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua (trong đó có 04 dự án đồng thời chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai) với tổng diện tích sau điều chỉnh là 54,37ha, bao gồm: 12,94 ha đất trồng lúa và 41,43 ha các loại đất khác.

* Lý do điều chỉnh: Một số dự án do đo đạc lại thực tế theo hiện trạng sử dụng đất, một số dự án có điều chỉnh quy mô, hướng tuyến và một số dự án phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 phát sinh thêm nhu cầu sau khi cắm mốc giải phóng mặt bằng nên quy mô diện tích, loại đất có sự thay đổi, vì vậy cần điều chỉnh cho phù hợp.

(Chi tiết có phụ lục kèm theo)

Ủy ban nhân dân tỉnh cam kết phê duyệt điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất cấp huyện đảm bảo phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 về việc phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021 -2025.

(có dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh kèm theo)

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban KT&NS HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở TN&MT;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CVKT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đoàn Ngọc Lâm

Phụ lục

ĐỀ NGHỊ BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH DANH MỤC DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT, CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH(Kèm theo Tờ trình số: *15/11* /TTr-UBND ngày *25* tháng *8* năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Các loại đất khác	
I	Bổ sung 52 dự án thu hồi đất theo quy định tại Khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai (trong đó có 24 dự án đồng thời chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa theo quy định tại Khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai)			104.08	13.51	90.57	
1	Khu tái định cư tại xã Nghĩa Ninh (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Nghĩa Ninh	Đồng Hới	3.46	1.80	1.66	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025
2	Đất nghĩa trang, nghĩa địa (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Thạch	Quảng Trạch	3.50		3.50	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025
3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Thanh	Quảng Trạch	2.50		2.50	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025
4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Hợp	Quảng Trạch	1.70		1.70	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025
5	Di chuyển đường dây điện đoạn Vũng Áng - Bùng, đoạn qua huyện Quảng Trạch (phục vụ giải phóng mặt bằng xây dựng dự án đường bộ cao tốc Bắc Nam phía đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Hợp, Quảng Châu	Quảng Trạch	4.05		4.05	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025
6	Hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư (phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án thành phần 1: Đường ven biển thuộc Dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3)	Quảng Tùng	Quảng Trạch	2.10	2.00	0.10	Nghị quyết số 160/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, Quyết định số 1680/QĐ-UBND ngày 09/6/2021 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Dự án thành phần 1: Đường ven biển thuộc Dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3
7	Nghĩa trang nhân dân xã Duy Ninh (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Hàm Ninh	Quảng Ninh	3.00		3.00	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Các loại đất khác	
8	Nghĩa trang nhân dân xã Hàm Ninh (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Hàm Ninh	Quảng Ninh	3.00		3.00	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025
9	Nghĩa trang nhân dân xã Hiền Ninh (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Hiền Ninh	Quảng Ninh	3.00		3.00	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025
10	Nghĩa trang nhân dân xã Xuân Ninh (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Xuân Ninh	Quảng Ninh	3.00		3.00	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025
11	Nghĩa trang nhân dân xã Vĩnh Ninh (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Vĩnh Ninh	Quảng Ninh	3.00		3.00	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025
12	Nghĩa trang nhân dân xã Vạn Ninh (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Vạn Ninh	Quảng Ninh	3.00		3.00	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025
13	Bãi rác huyện Quảng Ninh (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Vĩnh Ninh	Quảng Ninh	10.00		10.00	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025
14	Di dời nhà văn hóa thôn Áng Sơn (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Vạn Ninh	Quảng Ninh	0.60		0.60	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025
15	Di dời hệ thống cấp nước sản xuất, nước sinh hoạt (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	An Ninh	Quảng Ninh	0.20		0.20	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025
16	Di dời đường điện 500 kV (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Vĩnh Ninh	Quảng Ninh	0.50		0.50	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025
17	Di dời đường điện 220 kV (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Vĩnh Ninh, Xuân Ninh, Vạn Ninh	Quảng Ninh	0.40		0.40	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025
18	Di dời đường điện 110 kV (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Hàm Ninh, Xuân Ninh	Quảng Ninh	0.18		0.18	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Các loại đất khác	
19	Di dời đường dây trung thế (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Vĩnh Ninh, Hiền Ninh, Xuân Ninh, Vạn Ninh	Quảng Ninh	0.04	0.01	0.03	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025
20	Di dời đường dây hạ thế (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Vĩnh Ninh, Hiền Ninh, Xuân Ninh, An Ninh, Vạn Ninh	Quảng Ninh	0.05	0.01	0.04	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025
21	Di dời đường dây thông tin (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Xuân Ninh, Vạn Ninh	Quảng Ninh	0.02	0.01	0.01	Nghị quyết số 44/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chủ trương đầu tư Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025
22	Trụ sở cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Bố Trạch	Hoàn Lão	Bố Trạch	0.32	0.18	0.14	Quyết định số 931/QĐ-BTP ngày 03/6/2021 của Bộ Tư pháp về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đầu tư trụ sở cơ quan THADS giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh và tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 1756/QĐ-UBND ngày 25/7/2013 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc giới thiệu địa điểm sử dụng đất để lập quy hoạch chi tiết xây dựng Trụ sở làm việc và kho tàng vật của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bố Trạch
23	Xây dựng mới 70 điểm quan trắc tài nguyên nước dưới đất thuộc khu vực Bắc Trung Bộ	Quảng Lưu, Quảng Tùng, Nam Lý	Quảng Trạch, Đồng Hới	0.03		0.03	Quyết định số 2789/QĐ-BTNMT ngày 30/10/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường
24	Nâng cấp, mở rộng đường từ QL1A tới nhà văn hóa Thôn 2 xã Trung Trạch	Trung Trạch	Bố Trạch	0.38	0.17	0.21	Quyết định số 222/QĐ-UBND ngày 11/7/2019 của UBND huyện về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu xây dựng công trình Đường nâng cấp mở rộng từ Quốc lộ 1A tới nhà văn hóa thôn 2 xã Trung Trạch
25	Xây dựng dự án nút giao thông giao cắt giữa Quốc lộ 1 với tuyến đường từ Quốc lộ 1 đi Bàu Sen	Quảng Xuân	Quảng Trạch	0.13		0.13	Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 30/6/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình về điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh Quảng Bình
26	Nâng cấp đường liên xã từ Dinh Mười đi thôn Tân Định (đoạn QL1A đi đường BOT)	Gia Ninh, Hải Ninh	Quảng Ninh	2.00		2.00	PL 01 tại Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 21/12/2021 của HĐND huyện Quảng Ninh
27	Nâng cấp đường từ phía nam nhà văn hóa thôn Dinh Mười đi đường tránh lũ	Xã Gia Ninh	Quảng Ninh	2.80		2.80	PL 02 tại Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 21/12/2021 của HĐND huyện Quảng Ninh

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Các loại đất khác	
28	Đường Dinh Mười đi thôn Tiền Vinh	Xã Gia Ninh	Quảng Ninh	2.60		2.60	PL 05 tại Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 21/12/2021 của HĐND huyện Quảng Ninh
29	Đường Cầu Hốc đi nhà thờ Hoàng Kế Viêm	Lương Ninh	Quảng Ninh	0.16	0.06	0.10	PL 07 tại Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 21/12/2021 của HĐND huyện Quảng Ninh
30	Hạ tầng kỹ thuật đường Hai Bà Trưng	Quán Hàu	Quảng Ninh	0.90	0.40	0.50	PL 15 tại Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 21/12/2021 của HĐND huyện Quảng Ninh
31	Nâng cấp đường Lê Lợi, Lê Quý Đôn đến chợ Quán Hàu	Quán Hàu	Quảng Ninh	0.40		0.40	PL 18 tại Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 21/12/2021 của HĐND huyện Quảng Ninh
32	Nâng cấp đường 564B đến trung tâm xã Duy Ninh	Duy Ninh	Quảng Ninh	0.60	0.55	0.05	PL 27 tại Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 21/12/2021 của HĐND huyện Quảng Ninh
33	Đường giao thông nối nhà văn hóa đi vùng lườn thôn Hiến Vinh	Duy Ninh	Quảng Ninh	1.30	0.60	0.70	PL 28 tại Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 21/12/2021 của HĐND huyện Quảng Ninh
34	Nâng cấp đường liên thôn Trường Niên - Quyết Tiến	Hàm Ninh	Quảng Ninh	0.43	0.33	0.10	PL 33 tại Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 21/12/2021 của HĐND huyện Quảng Ninh
35	Đường từ chợ Dinh Mười đi trạm bơm Rào Bạc	Gia Ninh, Duy Ninh	Quảng Ninh	0.60	0.40	0.20	PL 35 tại Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 21/12/2021 của HĐND huyện Quảng Ninh
36	Đường nối từ nhà văn hóa thôn Rào Đá đi khu di tích núi Thần Đinh	Trường Xuân	Quảng Ninh	0.21	0.16	0.05	PL 60 tại Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 21/12/2021 của HĐND huyện Quảng Ninh
37	Xây dựng hệ thống đường giao thông các xã Hàm Ninh, Võ Ninh, Duy Ninh	Hàm Ninh, Võ Ninh, Duy Ninh	Quảng Ninh	5.00	2.50	2.50	PL 36 tại Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 của HĐND tỉnh Quảng Bình
38	Xây dựng đường liên xã Dinh Mười đi Tân Định	Gia Ninh, Hải Ninh	Quảng Ninh	2.50		2.50	PL 56 tại Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 của HĐND tỉnh Quảng Bình
39	Xây dựng hệ thống đường giao thông các xã An Ninh, Vạn Ninh, Tân Ninh, Xuân Ninh	An Ninh, Vạn Ninh, Tân Ninh, Xuân Ninh	Quảng Ninh	2.00		2.00	PL 70 tại Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 của HĐND tỉnh Quảng Bình
40	Xây dựng cầu và đường hai đầu cầu Trường Sơn thuộc tuyến đường Trường Xuân - Trường Sơn	Trường Sơn	Quảng Ninh	1.50		1.50	PL 74 tại Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 của HĐND tỉnh Quảng Bình
41	Xây dựng hệ thống đường giao thông các xã Lương Ninh, Vĩnh Ninh và Trường Xuân	Lương Ninh, Vĩnh Ninh và Trường Xuân	Quảng Ninh	3.00	1.00	2.00	PL 85 tại Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 của HĐND tỉnh Quảng Bình
42	Xây dựng hạ tầng và đường giao thông kết nối bệnh viện đa khoa huyện Quảng Ninh	Gia Ninh	Quảng Ninh	9.50		9.50	PL 82 tại Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 của HĐND tỉnh Quảng Bình

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		Ghi chú
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Các loại đất khác	
43	Hệ thống hạ tầng và kênh thoát nước phía Nam Trung tâm huyện lỵ Quảng Trạch	Quảng Phương, Quảng Hưng	Quảng Trạch	5.93	0.08	5.85	Nghị quyết số 110/NQ-HĐND ngày 28/12/2021 của HĐND huyện Quảng Trạch phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công sử dụng nguồn vốn ngân sách huyện quản lý 5 năm 2021-2025
44	Xây dựng hệ thống kênh mương và hệ thống đập tràn hồ chứa nước Troóc Trâu (Giai đoạn 2)	Vĩnh Ninh	Quảng Ninh	3.00	2.00	1.00	PL 20 tại Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 của HĐND tỉnh Quảng Bình
45	Trạm y tế xã Sơn Thủy	Sơn Thủy	Lệ Thủy	0.24	0.24		Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của HĐND tỉnh Quảng Bình
46	Nhà văn hóa thôn Thạch Trung	Hồng Thủy	Lệ Thủy	0.40		0.40	Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 31/12/2021 của HĐND xã Hồng Thủy về việc thông qua Kế hoạch đầu tư công năm 2022 của xã Hồng Thủy
47	Trụ sở công an xã Phong Thủy	Phong Thủy	Lệ Thủy	0.24	0.21	0.03	Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
48	Trụ sở công an xã Sơn Thủy	Sơn Thủy	Lệ Thủy	0.35	0.33	0.02	Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
49	Xây dựng Khu tái định cư di dời các hộ dân bị ảnh hưởng bởi nhà máy xi măng Áng Sơn, xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh	Vạn Ninh	Quảng Ninh	4.73	0.20	4.53	PL 80 tại Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 của HĐND tỉnh Quảng Bình
50	Dự án xây dựng cầu Đức Nghĩa (Km3+430/ĐT.570B), thành phố Đồng Hới	Đức Ninh, Bắc Nghĩa	Đồng Hới	1.14		1.14	PL11, Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công trung hạn (lần 1) giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn tỉnh quản lý
51	Dự án Đường và cầu vượt đường sắt trung tâm thành phố Đồng Hới	Bắc Lý, Nam Lý	Đồng Hới	4.18	0.15	4.03	PL2, Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 30/6/2021 của HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án đầu tư công trung hạn Ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025
52	Tạo quỹ đất tại xã Trường Xuân (phục vụ di dời hộ dân ra khỏi khu vực ô nhiễm và nguy hiểm tính mạng do việc nổ mìn khai thác đá của Công ty TNHH Thế Thịnh)	Trường Xuân	Quảng Ninh	0.21	0.12	0.09	Công văn số 2344/UBND-NC ngày 20/10/2021 của UBND tỉnh về việc giải quyết kiến nghị của công dân; Công văn số 183/STNMT-TTr ngày 28/01/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn giao đất di dời dân ra khỏi khu vực ô nhiễm và đe dọa tính mạng.

STT	Tên công trình, dự án		Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		Ghi chú
			Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Các loại đất khác	
II	Điều chỉnh 09 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua (trong đó có 04 dự án đồng thời chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa theo quy định tại Khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai)				54.37	12.94	41.43	
1	Dự án xây dựng cải tạo, nâng cấp QL.12A đoạn tránh Ba Đồn và đoạn tránh nhà máy xi măng Sông Gianh	Đã phê duyệt	Quảng Phong, Quảng Long, Quảng Xuân, Quảng Phương, Cảnh Hoá	Ba Đồn, Quảng Trạch	14.39	3.69	10.70	Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình; Quyết định số 408/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Dự án thành phần 1: Đầu tư xây dựng QL.12A đoạn tránh thị xã Ba Đồn thuộc dự án xây dựng cải tạo, nâng cấp QL.12A đoạn tránh thị xã Ba Đồn và đoạn tránh nhà máy xi măng Sông Gianh; Quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 12/01/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Dự án thành phần 2: Đầu tư hoàn thiện QL.12A đoạn tránh nhà máy xi măng Sông Gianh thuộc dự án xây dựng cải tạo, nâng cấp QL.12A đoạn tránh thị xã Ba Đồn và đoạn tránh nhà máy xi măng Sông Gianh
	Dự án thành phần 1: Đầu tư xây dựng QL.12A đoạn tránh thị xã Ba Đồn thuộc dự án xây dựng cải tạo, nâng cấp QL.12A đoạn tránh thị xã Ba Đồn và đoạn tránh nhà máy xi măng Sông Gianh	Nay điều chỉnh	Quảng Xuân, Quảng Phương, Quảng Phong, Quảng Long	Ba Đồn, Quảng Trạch	24.07	9.69	14.38	
	Dự án thành phần 2: Đầu tư hoàn thiện QL.12A đoạn tránh nhà máy xi măng Sông Gianh thuộc dự án xây dựng cải tạo, nâng cấp QL.12A đoạn tránh thị xã Ba Đồn và đoạn tránh nhà máy xi măng Sông Gianh		Cảnh Hoá	Quảng Trạch	0.81	0.08	0.73	
2	Đất nghĩa trang, nghĩa địa (di dời mộ mã phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Đã phê duyệt	Quảng Thạch	Quảng Trạch	1.15		1.15	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của HĐND tỉnh Quảng Bình
		Nay điều chỉnh	Quảng Thạch	Quảng Trạch	3.50		3.50	
3	Khu tái định cư (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Đã phê duyệt	Quảng Hợp	Quảng Trạch	1.00	0.90	0.10	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của HĐND tỉnh Quảng Bình
		Nay điều chỉnh	Quảng Hợp	Quảng Trạch	5.50		5.50	
4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa thôn Hường Phương - Khu vực 1 (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Đã phê duyệt	Quảng Phương	Quảng Trạch	7.10		7.10	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của HĐND tỉnh Quảng Bình
		Nay điều chỉnh	Quảng Phương	Quảng Trạch	10.49		10.49	

STT	Tên công trình, dự án		Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó		Ghi chú
			Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Các loại đất khác	
5	Đất nghĩa trang, nghĩa địa thôn Hướng Phương - Khu vực 2 (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Đã phê duyệt	Quảng Phương	Quảng Trạch	10.30		10.30	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của HĐND tỉnh Quảng Bình
		Nay điều chỉnh	Quảng Phương	Quảng Trạch	3.50		3.50	
6	Đất nghĩa trang, nghĩa địa thôn Tô Xá (di dời mồ mã phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Đã phê duyệt	Quảng Phương	Quảng Trạch	7.90		7.90	Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của HĐND tỉnh Quảng Bình
		Nay điều chỉnh	Quảng Phương	Quảng Trạch	3.00		3.00	
7	Khu tái định cư tại đồng Chợ thôn Tam Đa (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Đã phê duyệt	Quảng Lưu	Quảng Trạch	1.65	1.65		Nghị quyết số 61/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 của HĐND tỉnh Quảng Bình
		Nay điều chỉnh	Quảng Lưu	Quảng Trạch	2.13	2.13		
8	Đất ở tại nông thôn xã Dương Thủy	Đã phê duyệt	Dương Thủy	Lệ Thủy	0.42	0.41	0.01	Nghị quyết số 46/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
		Nay điều chỉnh	Dương Thủy	Lệ Thủy	0.43	0.41	0.02	
9	Nâng cao khả năng mang tải ĐZ 110KV TBA 110KV Đồng Hới - Lệ Thủy	Đã phê duyệt	Hoa Thủy, Sơn Thủy, Phú Thủy, Mai Thủy	Lệ Thủy	0.90	0.60	0.30	Nghị quyết số 173/NQ-HĐND ngày 02/4/2021 của HĐND tỉnh Quảng Bình
		Nay điều chỉnh	Hoa Thủy, Sơn Thủy, Phú Thủy, Mai Thủy, Xuân Thủy	Lệ Thủy	0.94	0.63	0.31	
Tổng (I+II): 61 dự án					158.45	26.45	132.00	

Ghi chú: 61 dự án bổ sung, điều chỉnh không có diện tích đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng

BẢNG 01 (Kèm theo Mẫu số 03a, 03b, 03c): TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG THEO QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT CẤP HUYỆN ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH
(Kèm theo Tờ trình số: *ASPH/TTTr-UBND* ngày *15* tháng *8* năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

STT	Hạng mục	Đất trồng lúa (ha)									Đất rừng phòng hộ (ha)									Đất rừng đặc dụng (ha)	Ghi chú (Ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
		Toàn tỉnh	Trong đó								Toàn tỉnh	Trong đó									
			Huyện Lệ Thủy	Huyện Quảng Ninh	Thành phố Đồng Hới	Huyện Bố Trạch	Thị xã Ba Đồn	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Huyện Minh Hóa		Huyện Lệ Thủy	Huyện Quảng Ninh	Thành phố Đồng Hới	Huyện Bố Trạch	Thị xã Ba Đồn	Huyện Quảng Trạch	Huyện Tuyên Hóa	Huyện Minh Hóa		
1	Chỉ tiêu đã được phê duyệt	7,006.67	1,702.41	690.77	835.74	1,670.93	1,108.82	731.13	171.66	95.21	596.96	79.64	29.84	36.31	14.72	246.38	55.80	41.80	92.47	0	
1.1	Chỉ tiêu đã được phê duyệt theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh																				
1.2	Chỉ tiêu điều chỉnh do đã được thay đổi địa điểm và số lượng dự án trong cùng một loại đất nhưng không làm thay đổi về chỉ tiêu và khu vực sử dụng đất theo chức năng sử dụng trong quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh đã được phê duyệt																				
1.3	Chỉ tiêu đã được phê duyệt theo quy hoạch sử dụng đất cấp huyện	7,006.67	1702.41	690.77	835.74	1,670.93	1,108.82	731.13	171.66	95.21	596.96	79.64	29.84	36.31	14.72	246.38	55.80	41.80	92.47		
2	Kết quả thực hiện	36.23	6.30	2.13	6.95	6.75	2.74	9.28	2.08		6.17	3.75	2.42							0	
2.1	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư																				
2.2	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư										2.42	2.42									
2.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất																				
2.4	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất	36.23	6.30	2.13	6.95	6.75	2.74	9.28	2.08		3.75	3.75									
2.5	Diện tích đã chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp còn lại																				
3	Diện tích đất đã được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 03 năm không thực hiện																				
4	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất (4 = 1 - 2 + 3)	6,970.44	1,696.11	688.64	828.79	1,664.18	1,106.08	721.85	169.58	95.21	590.79	75.89	27.42	36.31	14.72	246.38	55.80	41.80	92.47	0	

BẢNG 02 (Kèm theo Mẫu số 03a, 03b, 03c): TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG THEO QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Tờ trình số: ~~16/PT~~ TT-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

STT	Hạng mục	Đất trồng lúa (ha)								Đất rừng phòng hộ (ha)				Đất rừng đặc dụng (ha)	Ghi chú (Ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)		
		Toàn huyện									Toàn huyện	Trong đó				Toàn huyện	
			TTNT Lệ Ninh	Xã An Thủy	Xã Hồng Thủy	Xã Lộc Thủy	Xã Phong Thủy	Xã Phú Thủy	Các xã, thị trấn còn lại	Xã Hồng Thủy		Xã Ngự Thủy Bắc	Các xã, thị trấn còn lại				
1	Chỉ tiêu đã được phê duyệt theo Quy hoạch sử dụng đất	1,702.41	20.36	92.28	53.87	81.80	218.25	65.21	1,170.64	79.64	0.12	18.23	61.29	0	Quyết định số 1278/QĐ-UBND ngày 07/5/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Lệ Thủy		
2	Kết quả thực hiện	6.30	0.17	1.05	0.31	0.43	3.92	0.42		3.75	0.12	3.63					
2.1	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư																
2.2	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư																
2.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất																
2.4	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất	6.30	0.17	1.05	0.31	0.43	3.92	0.42		3.75	0.12	3.63		Quyết định số 2696/QĐ-UBND ngày 23/08/2021 của UBND tỉnh về việc chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND TTNT Lệ Ninh quản lý để tạo quỹ đất ở tại TTNT Lệ Ninh; Quyết định số 2936/QĐ-UBND ngày 13/09/2021 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND xã Phong Thủy quản lý để tạo quỹ đất ở xen cư tại xã Phong Thủy; Quyết định số 2993/QĐ-UBND ngày 17/09/2021 của UBND tỉnh về việc chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND xã Lộc Thủy quản lý để tạo quỹ đất ở tại xã Lộc Thủy; Quyết định số 2573/QĐ-UBND ngày 13/08/2021 của UBND tỉnh về việc chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND huyện Lệ Thủy quản lý để thực hiện dự án phát triển quỹ đất xã Phong Thủy, huyện Lệ Thủy; Quyết định số 318/QĐ-UBND ngày 28/1/2021 của UBND tỉnh về việc chuyển mục đích và cho Công ty Cổ phần Điện gió BT1 thuê đất để thực hiện dự án Trang trại điện gió BT1 tại xã An Thủy, Phú Thủy, Hồng Thủy (đợt 2); Quyết định số 1889/QĐ-UBND ngày 25/6/2021 của UBND tỉnh về việc chuyển mục đích và cho Công ty Cổ phần Điện gió BT3 thuê đất để thực hiện Trang trại điện gió BT2 - giai đoạn 2 tại xã Cam Thủy, Hưng Thủy, Ngự Thủy Bắc, huyện Lệ Thủy; Quyết định số 321/QĐ-UBND ngày 28/01/2022 của UBND tỉnh về việc chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất huyện Lệ Thủy quản lý để thực hiện bố trí tái định cư phân tán của dự án Khu lưu niệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp (Giai đoạn 1) tại xã Lộc Thủy, huyện Lệ Thủy.			
2.5	Diện tích đã chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp còn lại																
3	Diện tích đất đã được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 03 năm không thực hiện																
4	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất (4 = 1 - 2 + 3)	1696.11	20.19	91.23	53.56	81.37	214.33	64.79	1,170.64	75.89	0	14.60	61.29	0			

BẢNG 02 (Kèm theo Mẫu số 03a, 03b, 03c): TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG THEO QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Tờ trình số: *154/TTTr-UBND* ngày *25* tháng *8* năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

STT	Hạng mục	Đất trồng lúa (ha)						Đất rừng phòng hộ (ha)			Đất rừng đặc dụng (ha)	Ghi chú (Ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)		
		Toàn huyện	Trong đó					Toàn huyện	Trong đó				Toàn huyện	
			TT Quán Hầu	Xã Vĩnh Ninh	Xã Hiền Ninh	Xã Xuân Ninh	Xã Duy Ninh		Các xã còn lại	Xã Võ Ninh				Xã Hải Ninh
1	Chỉ tiêu đã được phê duyệt theo Quy hoạch sử dụng đất	690.77	38.55	55.87	37.25	26.47	58.07	474.56	29.84	1.44	1.18	27.22	0	Quyết định số 1281/QĐ-UBND ngày 10/5/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Quảng Ninh
2	Kết quả thực hiện	2.13	0.19	0.66	0.38	0.47	0.43		2.42	1.34	1.08			
2.1	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư													
2.2	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư								2.42	1.34	1.08			Quyết định số 2381/QĐ-UBND ngày 29/7/2021 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho Sở kế hoạch đầu tư để thực hiện công trình Đường du lịch Dinh Mười, huyện Quảng Ninh thuộc dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị - Tiểu dự án tỉnh Quảng Bình tại xã Võ Ninh và xã Hải Ninh, huyện Quảng Ninh (Đợt 1)
2.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất													
2.4	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất	2.13	0.19	0.66	0.38	0.47	0.43							Quyết định số 1118/QĐ-UBND ngày 19/4/2021 của UBND tỉnh về việc chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND huyện Quảng Ninh để xây dựng HTKT KDC Đồng Hạng (giai đoạn 1) tại thị trấn Quán Hầu, huyện Quảng Ninh- Đợt 2; Quyết định số 2308/QĐ-UBND ngày 23/7/2021 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND huyện Quảng Ninh thực hiện dự án HTKT tạo quỹ đất tại xã Vĩnh Ninh, huyện Quảng Ninh (đợt 1); Quyết định số 2067/QĐ-UBND ngày 7/7/2021 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND xã Hiền Ninh quản lý để tạo quỹ đất ở tại xã Hiền Ninh, huyện Quảng Ninh. Quyết định số 3783/QĐ-UBND ngày 23/11/2021 của UBND tỉnh về việc chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND xã Xuân Ninh quản lý để tạo quỹ đất ở tại xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh (đợt 1). Quyết định số 516/QĐ-UBND ngày 8/2/2021 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND xã Duy Ninh quản lý để tạo quỹ đất ở tại thôn Hiền Lộc, xã Duy Ninh, huyện Quảng Ninh. Quyết định số 4753/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND xã Xuân Ninh quản lý để tạo quỹ đất ở tại xã Xuân Ninh, huyện Quảng Ninh.
2.5	Diện tích đã chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp còn lại													
3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 3 năm không thực hiện													
4	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất (4=1-2+3)	688.64	38.36	55.21	36.87	26.00	57.64	474.56	27.42	0.1	0.1	27.22	0	

BẢNG 02 (Kèm theo Mẫu số 03a, 03b, 03c): TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG THEO QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Tờ trình số: 1644 TT-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

STT	Hạng mục	Đất trồng lúa (ha)							Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Ghi chú (Ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
		Toàn thành phố	Trong đó						Toàn thành phố	Toàn thành phố	
			Phường Đồng Phú	Phường Nam Lý	Phường Bắc Lý	Phường Phú Hải	Phường Đức Ninh Đông	Các xã, phường còn lại			
1	Chỉ tiêu đã được phê duyệt theo Quy hoạch sử dụng đất	835.74	65.71	37.60	110.80	32.83	63.63	525.17	36.31	0	Quyết định số 1288/QĐ-UBND ngày 10/5/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 thành phố Đồng Hới
2	Kết quả thực hiện	6.95	1.17	1.04	1.22	0.59	2.93				
2.1	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư										
2.2	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư										
2.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất										
2.4	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất	6.95	1.17	1.04	1.22	0.59	2.93				Quyết định số 846/QĐ-UBND ngày 23/03/2021 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND thành phố Đồng Hới để thực hiện dự án Mở rộng khuôn viên Trường Tiểu học Đồng Phú tại phường Đồng Phú, thành phố Đồng Hới; Quyết định số 1473/QĐ-UBND ngày 24/05/2021 của UBND tỉnh về việc chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho Sở Văn hóa và Thể thao thực hiện dự án Hạ tầng khuôn viên tổ chức hội chợ tỉnh Quảng Bình tại phường Đức Ninh Đông, thành phố Đồng Hới (đợt 1); Quyết định số 1799/QĐ-UBND ngày 17/06/2021 của UBND tỉnh về việc chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND thành phố Đồng Hới quản lý để thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư tại TDP 9, phường Bắc Lý, TP Đồng Hới (đợt 1); Quyết định số 2200/QĐ-UBND ngày 15/07/2021 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND thành phố Đồng Hới quản lý để thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư tại TDP 9 (giai đoạn 2), phường Bắc Lý, TP Đồng Hới - đợt 1; Quyết định số 1886/QĐ-UBND ngày 25/06/2021 của UBND tỉnh về việc chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho Liên danh Tổng Công ty Xây dựng số 1-CTCP và Công ty Cổ phần xây dựng số 1 Việt Phong để thực hiện Dự án Khu nhà ở thương mại phía Đông sông Lệ Kỳ, phường Phú Hải, thành phố Đồng Hới (Đợt 3); Quyết định số 3135/QĐ-UBND ngày 30/09/2021 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất cho Liên danh Công ty TNHH Tập đoàn Vĩnh Hưng (trước đây là Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Vĩnh Hưng) và Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp Miền Nam - Đại diện là Công ty TNHH Tập đoàn Vĩnh Hưng quản lý để thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng Hạ tầng Công viên vui chơi giải trí thuộc khu Công viên Cầu Rào tại phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới (đợt 3); Quyết định số 1089/QĐ-UBND ngày 03/5/2022 của UBND tỉnh v/v chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho Liên danh Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Xuân Quang và Hợp tác xã Đầu tư, Xây dựng, Quản lý và Khai thác chợ Hải An - Đại diện là Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Xuân Quang để thực hiện Dự án Khu nhà ở thương mại phía Bắc kênh Phông Thủy, phường Đồng Phú, thành phố Đồng Hới (Đợt 2); Quyết định số 1179/QĐ-UBND ngày 09/5/2022 của UBND tỉnh V/v thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và cho Công ty TNHH Thái Sơn thuê đất để thực hiện Dự án Showroom hàng nội thất và vật liệu xây dựng tại phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới
2.5	Diện tích đã chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp còn lại										
3	Diện tích đất đã được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 03 năm không thực hiện										
4	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất (4 = 1 - 2 + 3)	828.79	64.54	36.56	109.58	32.24	60.70	525.17	36.31	0	

BẢNG 02 (Kèm theo Mẫu số 03a, 03b, 03c): TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG THEO QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Tờ trình số: 159A/TTr-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

STT	Hạng mục	Đất trồng lúa (ha)								Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Ghi chú (Ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
		Toàn huyện	Trong đó							Toàn huyện	Toàn huyện	
			Thị trấn Phong Nha	Thị trấn Hoàn Lão	Xã Lâm Trạch	Xã Liên Trạch	Xã Đại Trạch	xã Hưng Trạch	Các xã, thị trấn còn lại			
1	Chỉ tiêu đã được phê duyệt theo Quy hoạch sử dụng đất	1,670.93	204.68	124.43	11.03	34.04	177.94	73.85	1,044.96	14.72	0	Quyết định số 1282/QĐ-UBND ngày 10/5/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Bố Trạch
2	Kết quả thực hiện	6.75	3.08	2.55	0.01	0.10	0.73	0.28				
2.1	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư											
2.2	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư											
2.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất											
2.4	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất	6.75	3.08	2.55	0.01	0.10	0.73	0.28				Quyết định số 986/QĐ-UBND ngày 26/3/2021 của UBND tỉnh về việc thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất và cho Công ty TNHH Du lịch sinh thái Phong Nha thuê đất (đợt 1); Quyết định số 987/QĐ-UBND ngày 26/3/2021 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND huyện Bố Trạch để thực hiện dự án Hạ tầng phát triển quỹ đất ở ngã Ba thị trấn Hoàn Lão (đợt 1); Quyết định số 1024/QĐ-UBND ngày 8/4/2021 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND xã Lâm Trạch quản lý để tạo quỹ đất ở; Quyết định 2228/QĐ-UBND ngày 16/7/2021 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND xã Liên Trạch quản lý và tạo quỹ đất ở; Quyết định 2762/QĐ-UBND ngày 5/7/2021 của UBND huyện Bố Trạch về việc chuyển mục đích sử dụng đất và cho ông Hoàng Văn Bình thuê đất; Quyết định số 2761/QĐ-UBND ngày 5/7/2021 của UBND huyện Bố Trạch về việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và cho ông Hoàng Ngọc Linh thuê đất; Quyết định số 4229/QĐ-UBND ngày 22/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND xã Trung Trạch để phát triển quỹ đất; Quyết định số 4146/QĐ-UBND ngày 15/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND xã Hưng Trạch để phát triển quỹ đất.
2.5	Diện tích đã chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp còn lại											
3	Diện tích đất đã được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 03 năm không thực hiện											
4	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất (4 = 1 - 2 + 3)	1,664.18	201.60	121.88	11.02	33.94	177.21	73.57	1,044.96	14.72	0	

BẢNG 02 (Kèm theo Mẫu số 03a, 03b, 03c): TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG THEO QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Tờ trình số: ~~158A~~ /TTr-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

STT	Hạng mục	Đất trồng lúa (ha)				Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Ghi chú (Ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
		Toàn thị xã	Trong đó			Toàn thị xã	Toàn thị xã	
			Phường Quảng Long	Phường Quảng Phong	Các xã, phường còn lại			
1	Chỉ tiêu đã được phê duyệt theo Quy hoạch sử dụng đất	1,108.82	122.53	98.82	887.47	246.38	0	Quyết định số 1393/QĐ-UBND ngày 17/5/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 thị xã Ba Đồn
2	Kết quả thực hiện	2.74	2.44	0.30				
2.1	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư							
2.2	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư							
2.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất							
2.4	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất	2.74	2.44	0.30				Quyết định số 136/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 của UBND tỉnh về việc thu hồi, chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND phường Quảng Phong quản lý để nâng cấp tuyến đường lấy lợi tại phường Quảng Phong, thị xã Ba Đồn; Quyết định số 3753/QĐ-UBND ngày 18/11/2021 của UBND tỉnh về việc chuyển mục đích đất và giao đất cho UBND thị xã Ba Đồn để thực hiện dự án Phát triển quỹ đất tại Khu dân cư Đồng Cồn Trót, Tổ dân phố Chính Trực, phường Quảng Long, thị xã Ba Đồn (đợt 1)
2.5	Diện tích đã chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp còn lại							
3	Diện tích đất đã được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 03 năm không thực hiện							
4	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất (4 = 1 - 2 + 3)	1,106.08	120.09	98.52	887.47	246.38	0	

BẢNG 02 (Kèm theo Mẫu số 03a, 03b, 03c): TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG THEO QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Tờ trình số: *15/M* /TTr-UBND ngày *15* tháng *8* năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

STT	Hạng mục	Đất trồng lúa (ha)						Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Ghi chú (Ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
		Toàn huyện	Trong đó					Toàn huyện	Toàn huyện	
			Xã Quảng Hưng	Xã Quảng Tùng	Xã Quảng Phú	Xã Quảng Thanh	Các xã còn lại			
1	Chỉ tiêu đã được phê duyệt theo Quy hoạch sử dụng đất	731.13	99.51	63.88	116.52	57.55	393.67	55.80	0	Quyết định số 1283/QĐ-UBND ngày 10/5/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Quảng Trạch
2	Kết quả thực hiện	9.28	3.58	1.04	1.99	2.67				
2.1	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư									
2.2	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư									
2.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất									
2.4	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất	9.28	3.58	1.04	1.99	2.67				Quyết định số 2197/QĐ-UBND ngày 15/7/2021 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất, chuyển mục đích và giao đất cho Trường THPT Quang Trung để mở rộng khuôn viên Trường THPT Quang Trung tại xã Quảng Phú; Quyết định 2827/QĐ-UBND ngày 31/8/2021 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND huyện Quảng Trạch quản lý để thực hiện dự án Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Đồng Kênh, xã Quảng Hưng, huyện Quảng Trạch - Đợt 1; Quyết định số 984/QĐ-UBND ngày 05/4/2021 của UBND tỉnh về việc thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và cho Công ty CP Sản xuất vật liệu và Xây dựng Minh Sơn thuê đất thực hiện dự án Trung tâm Dịch vụ thể thao và Trường Mầm non Bình Minh; Quyết định số 375/QĐ-UBND ngày 10/02/2022 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND huyện Quảng Trạch quản lý để thực hiện dự án Hạ tầng KT Quy hoạch chi tiết khu dân cư Đồng Nương, thôn Phú Lộc 3, xã Quảng Phú, huyện Quảng Trạch; Quyết định số 374/QĐ-UBND ngày 10/02/2022 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND huyện Quảng Trạch quản lý để thực hiện dự án Hạ tầng KT Quy hoạch chi tiết khu dân cư thôn Tân An, xã Quảng Thanh, huyện Quảng Trạch
2.5	Diện tích đã chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp còn lại									
3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 3 năm không thực hiện									
4	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất (4=1-2+3)	721.85	95.93	62.84	114.53	54.88	393.67	55.80	0	

BẢNG 02 (Kèm theo Mẫu số 03a, 03b, 03c): TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG THEO QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 HUYỆN TUYÊN HÓA, TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Tờ trình số 15/PA TTTr-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

STT	Hạng mục	Đất trồng lúa (ha)				Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Ghi chú (Ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
		Toàn huyện	Trong đó			Toàn huyện	Toàn huyện	
			TT Đồng Lê	Xã Thanh Hóa	Các xã còn lại			
1	Chỉ tiêu đã được phê duyệt theo Quy hoạch sử dụng đất	171.66	19.70	3.49	148.47	41.80	0	Quyết định số 1284/QĐ-UBND ngày 10/5/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Tuyên Hóa
2	Kết quả thực hiện	2.08	1.90	0.18				
2.1	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư							
2.2	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư							
2.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất							
2.4	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất	2.08	1.90	0.18				Quyết định số 3053/QĐ-UBND ngày 23/9/2021 của UBND tỉnh về việc chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND huyện TH quản lý thực hiện dự án phát triển quỹ đất tại tiểu khu Đồng Văn, TT Đồng Lê; Quyết định số 2392/QĐ-UBND ngày 29/7/2021 của UBND tỉnh về việc chuyển mục đích sử dụng đất và giao đất cho UBND huyện Tuyên Hóa quản lý để thực hiện dự án phát triển quỹ đất tại tiểu khu Tam Đồng, thị trấn Đồng Lê (giai đoạn 1)- Đợt 1; Quyết định số 2418/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của UBND tỉnh về việc chuyển mục đích và giao đất cho Lữ đoàn 134-Bộ Tư lệnh Thông tin.
2.5	Diện tích đã chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp còn lại							
3	Diện tích đất đã được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 03 năm không thực hiện							
4	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất (4 = 1 - 2 + 3)	169.58	17.80	3.31	148.47	41.80	0	

BẢNG 02 (Kèm theo Mẫu số 03a, 03b, 03c): TỔNG HỢP KẾT QUẢ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ, ĐẤT RỪNG ĐẶC DỤNG THEO QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030 HUYỆN MINH HÓA, TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Tờ trình số: 1511/TTTr-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

STT	Hạng mục	Đất trồng lúa (ha)	Đất rừng phòng hộ (ha)	Đất rừng đặc dụng (ha)	Ghi chú (Ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
		Toàn huyện	Toàn huyện	Toàn huyện	
1	Chỉ tiêu đã được phê duyệt theo Quy hoạch sử dụng đất	95.21	92.47	0	Quyết định số 1348/QĐ-UBND ngày 12/5/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Minh Hóa
2	Kết quả thực hiện				
2.1	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư				
2.2	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư				
2.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất				
2.4	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất				
2.5	Diện tích đã chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp còn lại				
3	Diện tích đất đã được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 03 năm không thực hiện				
4	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất (4 = 1 - 2 + 3)	95.21	92.47	0	

K

Số: /NQ-HĐND

Quảng Bình, ngày tháng năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Thông qua bổ sung, điều chỉnh danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
KHOÁ XVIII, KỲ HỌP THỨ 7**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 2028/QĐ-BTNMT ngày 22 tháng 10 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đính chính Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Qua xem xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết bổ sung, điều chỉnh danh mục dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; sau khi nghe báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bổ sung, điều chỉnh 61 dự án thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất với tổng diện tích 158,45 ha, bao gồm: 26,45ha đất trồng lúa và 132,0 ha đất khác. Trong đó:

1. Bổ sung mới 52 dự án thu hồi đất theo quy định tại Khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai (trong đó có 24 dự án đồng thời chuyển mục đích sử dụng đất trồng

lúa theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai) với tổng diện tích 104,08 ha, bao gồm: 13,51 ha đất trồng lúa và 90,57 ha các loại đất khác.

2. Điều chỉnh 09 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua (trong đó có 04 dự án đồng thời chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai) với tổng diện tích sau điều chỉnh là 54,37ha, bao gồm: 12,94 ha đất trồng lúa và 41,43 ha các loại đất khác.

(Chi tiết có phụ lục kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này; giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVIII kỳ họp thứ 7 thông qua ngày tháng năm 2022 và có hiệu lực 03 năm kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban và các đại biểu của HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Báo Quảng Bình; Đài PT-TH Quảng Bình;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH

Trần Hải Châu

Phụ lục

BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH DANH MỤC DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT, CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày tháng năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình)

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó	
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Các loại đất khác
I	Bổ sung 52 dự án thu hồi đất theo quy định tại Khoản 3 Điều 62 của Luật Đất đai (trong đó có 24 dự án đồng thời chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa theo quy định tại Khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai)			104.08	13.51	90.57
1	Khu tái định cư tại xã Nghĩa Ninh (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Nghĩa Ninh	Đông Hới	3.46	1.80	1.66
2	Đất nghĩa trang, nghĩa địa (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Thạch	Quảng Trạch	3.50		3.50
3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Thanh	Quảng Trạch	2.50		2.50
4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Hợp	Quảng Trạch	1.70		1.70
5	Di chuyển đường dây điện đoạn Vũng Áng - Bùng, đoạn qua huyện Quảng Trạch (phục vụ giải phóng mặt bằng xây dựng dự án đường bộ cao tốc Bắc Nam phía đông giai đoạn 2021-2025)	Quảng Hợp, Quảng Châu	Quảng Trạch	4.05		4.05
6	Hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư (phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án thành phần 1: Đường ven biển thuộc Dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3)	Quảng Tùng	Quảng Trạch	2.10	2.00	0.10
7	Nghĩa trang nhân dân xã Duy Ninh (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Hàm Ninh	Quảng Ninh	3.00		3.00

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó	
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Các loại đất khác
8	Nghĩa trang nhân dân xã Hàm Ninh (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Hàm Ninh	Quảng Ninh	3.00		3.00
9	Nghĩa trang nhân dân xã Hiền Ninh (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Hiền Ninh	Quảng Ninh	3.00		3.00
10	Nghĩa trang nhân dân xã Xuân Ninh (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Xuân Ninh	Quảng Ninh	3.00		3.00
11	Nghĩa trang nhân dân xã Vĩnh Ninh (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Vĩnh Ninh	Quảng Ninh	3.00		3.00
12	Nghĩa trang nhân dân xã Vạn Ninh (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Vạn Ninh	Quảng Ninh	3.00		3.00
13	Bãi rác huyện Quảng Ninh (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Vĩnh Ninh	Quảng Ninh	10.00		10.00
14	Di dời nhà văn hóa thôn Áng Sơn (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Vạn Ninh	Quảng Ninh	0.60		0.60
15	Di dời hệ thống cấp nước sản xuất, nước sinh hoạt (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	An Ninh	Quảng Ninh	0.20		0.20
16	Di dời đường điện 500 kV (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Vĩnh Ninh	Quảng Ninh	0.50		0.50
17	Di dời đường điện 220 kV (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Vĩnh Ninh, Xuân Ninh, Vạn Ninh	Quảng Ninh	0.40		0.40
18	Di dời đường điện 110 kV (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Hàm Ninh, Xuân Ninh	Quảng Ninh	0.18		0.18
19	Di dời đường dây trung thế (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Vĩnh Ninh, Hiền Ninh, Xuân Ninh, Vạn Ninh	Quảng Ninh	0.04	0.01	0.03

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó	
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Các loại đất khác
20	Di dời đường dây hạ thế (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Vĩnh Ninh, Hiền Ninh, Xuân Ninh, An Ninh, Vạn Ninh	Quảng Ninh	0.05	0.01	0.04
21	Di dời đường dây thông tin (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Xuân Ninh, Vạn Ninh	Quảng Ninh	0.02	0.01	0.01
22	Trụ sở cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Bồ Trạch	Hoàn Lão	Bồ Trạch	0.32	0.18	0.14
23	Xây dựng mới 70 điểm quan trắc tài nguyên nước dưới đất thuộc khu vực Bắc Trung Bộ	Quảng Lưu, Quảng Tùng, Nam Lý	Quảng Trạch, Đồng Hới	0.03		0.03
24	Nâng cấp, mở rộng đường từ QL1A tới nhà văn hóa Thôn 2 xã Trung Trạch	Trung Trạch	Bồ Trạch	0.38	0.17	0.21
25	Xây dựng dự án nút giao thông giao cắt giữa Quốc lộ 1 với tuyến đường từ	Quảng Xuân	Quảng Trạch	0.13		0.13
26	Nâng cấp đường liên xã từ Dinh Mười đi thôn Tân Định (đoạn QL1A đi đường BOT)	Gia Ninh, Hải Ninh	Quảng Ninh	2.00		2.00
27	Nâng cấp đường từ phía nam nhà văn hóa thôn Dinh Mười đi đường tránh lũ	Xã Gia Ninh	Quảng Ninh	2.80		2.80
28	Đường Dinh Mười đi thôn Tiền Vinh	Xã Gia Ninh	Quảng Ninh	2.60		2.60
29	Đường Cầu Hóc đi nhà thờ Hoàng Kế Viêm	Lương Ninh	Quảng Ninh	0.16	0.06	0.10
30	Hạ tầng kỹ thuật đường Hai Bà Trưng	Quán Hào	Quảng Ninh	0.90	0.40	0.50
31	Nâng cấp đường Lê Lợi, Lê Quý Đôn đến chợ Quán Hào	Quán Hào	Quảng Ninh	0.40		0.40
32	Nâng cấp đường 564B đến trung tâm xã Duy Ninh	Duy Ninh	Quảng Ninh	0.60	0.55	0.05
33	Đường giao thông nối nhà văn hóa đi vùng lườn thôn Hiền Vinh	Duy Ninh	Quảng Ninh	1.30	0.60	0.70
34	Nâng cấp đường liên thôn Trường Niên - Quyết Tiến	Hàm Ninh	Quảng Ninh	0.43	0.33	0.10
35	Đường từ chợ Dinh Mười đi trạm bơm Rào Bạc	Gia Ninh, Duy Ninh	Quảng Ninh	0.60	0.40	0.20
36	Đường nối từ nhà văn hóa thôn Rào Đá đi khu di tích núi Thần Đinh	Trường Xuân	Quảng Ninh	0.21	0.16	0.05

STT	Tên công trình, dự án	Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó	
		Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Các loại đất khác
37	Xây dựng hệ thống đường giao thông các xã Hàm Ninh, Võ Ninh, Duy Ninh	Hàm Ninh, Võ Ninh, Duy Ninh	Quảng Ninh	5.00	2.50	2.50
38	Xây dựng đường liên xã Dinh Mười đi Tân Định	Gia Ninh, Hải Ninh	Quảng Ninh	2.50		2.50
39	Xây dựng hệ thống đường giao thông các xã An Ninh, Vạn Ninh, Tân Ninh, Xuân Ninh	An Ninh, Vạn Ninh, Tân Ninh, Xuân Ninh	Quảng Ninh	2.00		2.00
40	Xây dựng cầu và đường hai đầu cầu Trường Sơn thuộc tuyến đường Trường	Trường Sơn	Quảng Ninh	1.50		1.50
41	Xây dựng hệ thống đường giao thông các xã Lương Ninh, Vĩnh Ninh và Trường Xuân	Lương Ninh, Vĩnh Ninh và Trường Xuân	Quảng Ninh	3.00	1.00	2.00
42	Xây dựng hạ tầng và đường giao thông kết nối bệnh viện đa khoa huyện	Gia Ninh	Quảng Ninh	9.50		9.50
43	Hệ thống hạ tầng và kênh thoát nước phía Nam Trung tâm huyện lỵ Quảng Trạch	Quảng Phương, Quảng Hưng	Quảng Trạch	5.93	0.08	5.85
44	Xây dựng hệ thống kênh mương và hệ thống đập tràn hồ chứa nước Troóc	Vĩnh Ninh	Quảng Ninh	3.00	2.00	1.00
45	Trạm y tế xã Sơn Thủy	Sơn Thủy	Lệ Thủy	0.24	0.24	
46	Nhà văn hóa thôn Thạch Trung	Hồng Thủy	Lệ Thủy	0.40		0.40
47	Trụ sở công an xã Phong Thủy	Phong Thủy	Lệ Thủy	0.24	0.21	0.03
48	Trụ sở công an xã Sơn Thủy	Sơn Thủy	Lệ Thủy	0.35	0.33	0.02
49	Xây dựng Khu tái định cư di dời các hộ dân bị ảnh hưởng bởi nhà máy xi măng Áng Sơn, xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh	Vạn Ninh	Quảng Ninh	4.73	0.20	4.53
50	Dự án xây dựng cầu Đức Nghĩa (Km3+430/ĐT.570B), thành phố Đồng Hới	Đức Ninh, Bắc Nghĩa	Đồng Hới	1.14		1.14
51	Dự án Đường và cầu vượt đường sắt trung tâm thành phố Đồng Hới	Bắc Lý, Nam Lý	Đồng Hới	4.18	0.15	4.03
52	Tạo quỹ đất tại xã Trường Xuân (phục vụ di dời hộ dân ra khỏi khu vực ô nhiễm và nguy hiểm tính mạng do việc nổ mìn khai thác đá của Công ty TNHH Thế Thịnh)	Trường Xuân	Quảng Ninh	0.21	0.12	0.09

STT	Tên công trình, dự án		Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó	
			Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Các loại đất khác
II	Điều chỉnh 09 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua (trong đó có 04 dự án đồng thời chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa theo quy định tại Khoản 1 Điều 58 Luật Đất đai)				54.37	12.94	41.43
1	Dự án xây dựng cải tạo, nâng cấp QL 12A đoạn tránh Ba Đồn và đoạn tránh nhà máy xi măng Sông Gianh	Đã phê duyệt	Quảng Phong, Quảng Long, Quảng Xuân, Quảng Phương, Cảnh Hoá	Ba Đồn, Quảng Trạch	14.39	3.69	10.70
	Dự án thành phần 1: Đầu tư xây dựng QL.12A đoạn tránh thị xã Ba Đồn thuộc dự án xây dựng cải tạo, nâng cấp QL.12A đoạn tránh thị xã Ba Đồn và đoạn tránh nhà máy xi măng Sông Gianh	Nay điều chỉnh	Quảng Xuân, Quảng Phương, Quảng Phong, Quảng Long	Ba Đồn, Quảng Trạch	24.07	9.69	14.38
	Dự án thành phần 2: Đầu tư hoàn thiện QL.12A đoạn tránh nhà máy xi măng Sông Gianh thuộc dự án xây dựng cải tạo, nâng cấp QL.12A đoạn tránh thị xã Ba Đồn và đoạn tránh nhà máy xi măng Sông Gianh		Cảnh Hoá	Quảng Trạch	0.81	0.08	0.73
2	Đất nghĩa trang, nghĩa địa (di dời mồ mã phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Đã phê duyệt	Quảng Thạch	Quảng Trạch	1.15		1.15
		Nay điều chỉnh	Quảng Thạch	Quảng Trạch	3.50		3.50
3	Khu tái định cư (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Đã phê duyệt	Quảng Hợp	Quảng Trạch	1.00	0.90	0.10
		Nay điều chỉnh	Quảng Hợp	Quảng Trạch	5.50		5.50
4	Đất nghĩa trang, nghĩa địa thôn Hướng Phương - Khu vực 1 (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Đã phê duyệt	Quảng Phương	Quảng Trạch	7.10		7.10
		Nay điều chỉnh	Quảng Phương	Quảng Trạch	10.49		10.49

STT	Tên công trình, dự án		Vị trí thực hiện dự án		Diện tích đất thực hiện dự án	Trong đó	
			Xã, phường, thị trấn	Thành phố, thị xã, huyện		Đất trồng lúa (LUA)	Các loại đất khác
5	Đất nghĩa trang, nghĩa địa thôn Hướng Phương - Khu vực 2 (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Đã phê duyệt	Quảng Phương	Quảng Trạch	10.30		10.30
		Nay điều chỉnh	Quảng Phương	Quảng Trạch	3.50		3.50
6	Đất nghĩa trang, nghĩa địa thôn Tô Xá (di dời mồ mã phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Đã phê duyệt	Quảng Phương	Quảng Trạch	7.90		7.90
		Nay điều chỉnh	Quảng Phương	Quảng Trạch	3.00		3.00
7	Khu tái định cư tại đồng Chợ thôn Tam Đa (phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường bộ Cao tốc Bắc Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025)	Đã phê duyệt	Quảng Lưu	Quảng Trạch	1.65	1.65	
		Nay điều chỉnh	Quảng Lưu	Quảng Trạch	2.13	2.13	
8	Đất ở tại nông thôn xã Dương Thủy	Đã phê duyệt	Dương Thủy	Lệ Thủy	0.42	0.41	0.01
		Nay điều chỉnh	Dương Thủy	Lệ Thủy	0.43	0.41	0.02
9	Nâng cao khả năng mang tải ĐZ 110KV TBA 110KV Đồng Hới - Lệ Thủy	Đã phê duyệt	Hoa Thủy, Sơn Thủy, Phú Thủy, Mai Thủy	Lệ Thủy	0.90	0.60	0.30
		Nay điều chỉnh	Hoa Thủy, Sơn Thủy, Phú Thủy, Mai Thủy, Xuân Thủy	Lệ Thủy	0.94	0.63	0.31
Tổng (I+II): 61 dự án					158.45	26.45	132.00

Ghi chú: 61 dự án bổ sung, điều chỉnh không có diện tích đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng